

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23-01-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp con chung”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Long;

Ông Nguyễn Văn Tươi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ba – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn và con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1981; cư trú tại: Thôn N, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2017 và các lời khai có trong vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị H trình bày:

Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Đình T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam vào 09/10/2006. Kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà của cha, mẹ bà H tại huyện D, tỉnh Quảng Nam được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T nhậu nhẹt, về nhà nói khó nghe và đánh đập, xúc phạm bà H. Mâu thuẫn xảy ra đã lâu nhưng vì con cái nên bà H cam chịu. Đến tháng 11/2016, ông T đã bỏ về xã Đ, thị xã Đ sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Đình Thùy T, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19/3/2012. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì con Nguyễn Đình Thùy T sống với bà H và con Nguyễn Thị Tuyết N sống với ông T. Khi ly hôn bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con Nguyễn Đình Thùy T, không yêu cầu cấp dưỡng và giao con Nguyễn Thị Tuyết N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đình T trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn ông T hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của bà Lý Thị H. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà vợ tại xã D, huyện D. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không thể sống ở nhà vợ, mặc dù đã cố gắng, bà H coi thường ông T nên vợ chồng hay cãi vả nhau. Không thể chung sống với nhau được nên ông T đã về xã Đ, thị xã Đ sinh sống hơn 09 tháng nay. Ông T đã xây dựng nhà riêng và động viên bà H về chung sống nhưng bà H không đồng ý. Bà H yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, còn thương vợ và các con, mong muốn đoàn tụ chung sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà H trình bày. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì con Nguyễn Đình Thùy T sống với bà H và con Nguyễn Thị Tuyết N sống với ông T. Khi ly hôn ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Tuyết N và giao con Nguyễn Đình Thùy T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên tự lực nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Riêng bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn ông T; về con chung: Giao con con Nguyễn Đình Thùy T, sinh ngày 06/4/2007 cho bà H và con Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19/3/2012 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, hai bên tự lực nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đình T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị H và ông Nguyễn Đình T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà Hạnh là do ông T nhậu nhẹt, về nhà nói khó nghe và đánh đập, xúc phạm bà H; ông T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do ông T không thể sống ở nhà vợ, mặc dù đã cố gắng, bà H coi thường ông T nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên bà H yêu cầu ly hôn ông T; ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để các bên đương sự về đoàn tụ chung sống nhưng không thành. Qua xác minh tại địa phương, mặc dù không rõ mâu thuẫn của vợ chồng nhưng xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau. Lời khai của các đương sự thể hiện vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ nhiều tháng nay. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà H được ly hôn ông T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Đình Thùy T, sinh ngày 06/4/2007 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19/3/2012. Cả ông T và bà H đều có ý kiến thống nhất là bà H trực tiếp nuôi con Nguyễn Đình Thùy T và ông T trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị Tuyết N khi ly hôn. Xét thấy ý kiến của các đương sự là phù hợp, HĐXX thống nhất giao con Nguyễn Đình Thùy T cho bà Lý Thị H (cháu T đang sống với bà H) và giao con Nguyễn Thị Tuyết N cho ông Nguyễn Đình T (cháu N đang sống với ông T) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự đều có ý kiến tự lực nuôi con và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Bà H và ông T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T thống nhất khai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lý Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị H đối với ông Nguyễn Đình T. Bà Lý Thị H được ly hôn ông Nguyễn Đình T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đình Thùy T, sinh ngày 06/4/2007 cho bà Lý Thị H và giao con chung Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19/3/2012 cho ông Nguyễn Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Bà Lý Thị H và ông Nguyễn Đình T tự lực nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Bà Lý Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0008726, ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà H đã nộp đủ án phí

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sinh